



Original Article

An Analysis on Factors Affecting English Language Learning Outcomes of the 12th-Grade Students in Gia Lai Province

Vo Thi Huyen^{1,*}, Vu Trong Luong², Pham Hong Nhung³

¹*Gia Lai Junior College of Education, 126 Le Thanh Ton, Pleiku, Gia Lai, Vietnam*

²*VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

³*Foreign Trade University, 91 Chua Lang, Dong Da, Hanoi, Vietnam*

Received 18 December 2021

Revised 09 September 2022; Accepted 19 December 2022

Abstract: International integration is an inevitable trend in every country, and English is considered the key for each individual to straightforwardly approach the knowledge treasure of humankind. This study was conducted to examine several factors that may have an influence on the English language learning outcomes of grade 12 students in Gia Lai province. With the convenient sampling method, 406 12th graders who had not graduated from high school in the province participated in the survey by voluntarily answering the questionnaire. The data were then analyzed by t-test with two independent samples and by correlation and regression analysis. Research shows that students' English learning results are influenced by factors such as self-efficacy, attitude towards English learning and anxiety about the subject. In addition, the results also show that extra classes have a positive effect on the academic performance of 12th graders in Gia Lai province.

Keywords: Factors affecting, Learning outcomes, Learning English.

* Corresponding author.

E-mail address: vohuyen0211@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4618>

Yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai

Võ Thị Huyền^{1,*}, Vũ Trọng Lương², Phạm Hồng Nhung³

¹Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai, 126 Lê Thánh Tôn, Pleiku, Gia Lai, Việt Nam

²Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

³Trường Đại học Ngoại thương, 91 Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 18 tháng 12 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 09 tháng 09 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 12 năm 2022

Tóm tắt: Hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu của mỗi quốc gia và tiếng Anh được coi là chìa khóa để giúp mỗi cá nhân có thể dễ dàng tiếp xúc với kho tri thức của nhân loại. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xem xét một số yếu tố có thể có ảnh hưởng đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai. Với phương pháp lấy mẫu thuận tiện, 406 học sinh lớp 12 chưa tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã tham gia khảo sát bằng việc trả lời bảng hỏi một cách tự nguyện. Dữ liệu sau đó được phân tích bằng phép kiểm định t-test cho hai mẫu độc lập và phân tích tương quan, hồi quy. Nghiên cứu cho thấy kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh bị ảnh hưởng bởi các yếu tố niềm tin vào bản thân, thái độ với việc học tiếng Anh và lo lắng về môn tiếng Anh. Ngoài ra kết quả cũng chỉ ra việc đi học thêm có ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai.

Từ khóa: Yếu tố ảnh hưởng, kết quả học tập, học tiếng Anh.

1. Đặt vấn đề

Sự yếu kém hay không thông thạo về ngôn ngữ sẽ dẫn đến những thiệt thòi trong quan hệ và các cơ hội hợp tác đối với các nước nói chung cũng như làm mất cơ hội việc làm với thu nhập cao đối với các cá nhân lao động nói riêng. Cho đến nay, Tiếng Anh vẫn được xem là ngôn ngữ quốc tế được sử dụng phổ biến trên thế giới. Chính vì vậy, việc dạy và học ngoại ngữ đã và đang được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm. Điều đó thể hiện rõ trong các chính sách thúc đẩy và nâng cao chất lượng ngoại ngữ trong nước bằng việc thiết lập môn ngoại ngữ - Tiếng Anh làm môn học bắt buộc trong hệ thống giáo dục các cấp hoặc điển hình như gần đây nhất là Quyết định số 2658/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân

giai đoạn 2017 - 2025, trong đó có hướng dẫn về xây dựng và thực hiện lộ trình triển khai chương trình tiếng Anh hệ 10 năm (lớp 3 - 12) từ năm 2017 - 2025.

Tuy nhiên, ngoại ngữ vốn không phải là ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ nên việc học ngoại ngữ chắc chắn sẽ gặp không ít yếu tố gây khó khăn, cản trở việc học bên cạnh những khó khăn chung như các môn học khác, làm ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh. Những năm gần đây, kết quả thi tiếng Anh của học sinh ở tỉnh Gia Lai trong kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia đều ở mức dưới trung bình so với cả nước. Vậy kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai bị ảnh hưởng bởi những yếu tố nào? Với đặc điểm gần 50% dân số là người dân tộc thiểu số ở tỉnh thì liệu yếu tố dân tộc có gây tác động đến sự ảnh hưởng của các yếu tố (thuộc giới hạn trong nghiên cứu) tới kết quả học tập tiếng Anh của học sinh hay không?

Kết quả của nghiên cứu này hi vọng sẽ giúp cho nhà trường đánh giá được một số yếu tố tác động đến kết quả học tập Tiếng Anh của học sinh, qua đó phát huy được các yếu tố tích cực,

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: vohuyen0211@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4618>

hạn chế các yếu tố tiêu cực để nâng cao chất lượng học tập môn Tiếng Anh cho học sinh, từ đó nâng cao thương hiệu cho nhà trường.

2. Tổng quan nghiên cứu

Chắc chắn có nhiều yếu tố khác nhau có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập môn ngoại ngữ nói chung, xuất phát từ các quan điểm lý thuyết khác nhau (ví dụ, nhận thức và văn hóa xã hội) và truyền thống phương pháp luận (ví dụ, phương pháp luận định hướng ngôn ngữ và phương pháp tiếp cận giao tiếp) trong các bối cảnh học ngôn ngữ khác nhau và với những người học ở các nhóm và trình độ khác nhau [1]. Có nhiều nghiên cứu trong nước và trên thế giới về việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của người học. Nghiên cứu này tập trung xem xét một số yếu tố bên trong ở khía cạnh tình cảm - tâm lý của người học có thể có ảnh hưởng đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng điều tra xem liệu có sự ảnh hưởng của yếu tố đi học thêm đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh hay không.

2.1. Động lực học tiếng Anh

Động lực được coi là một trong những yếu tố chính có ảnh hưởng đến hiệu quả học tập cũng như khả năng đầu tư vào các hoạt động học tập của học sinh. Ryan và Deci (2000) tuyên bố động lực là thuộc tính thúc giục hành động, năng lượng, hướng đi, lý do cho hành vi của chúng ta và “cái gì”, “tại sao” chúng ta làm điều gì đó [2]. Đơn giản hơn có thể hiểu, nếu có động lực, học sinh sẽ học tốt hơn và lưu giữ được nhiều hơn những gì được học. Một số nghiên cứu về động lực của người học ngoại ngữ (ngôn ngữ thứ hai) thường phân biệt hai loại động lực chính là động lực tích hợp và động lực công cụ. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra ảnh hưởng tích cực của động lực đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh như các nghiên cứu của Zhang và cộng sự (2020), Ghazvini và Khajehpour (2011), Liu và Huang (2011).

2.2. Chiến lược học tiếng Anh

Oxford (1990) đã đề nghị một định nghĩa có tính chất tổng quát khi cho rằng chiến lược học

ngoại ngữ là “những hành động cụ thể được thực hiện bởi người học để giúp việc học dễ dàng hơn, thú vị hơn, tự định hướng hơn, hiệu quả hơn và dễ chuyển giao hơn trong các tình huống mới” [3]. Người học ngôn ngữ sẽ thành công trong các nhiệm vụ nếu sử dụng chiến lược học tập ngôn ngữ thích hợp. Các nghiên cứu của Luru Hón Vũ (2019), Al-Buainain (2010), Javid và cộng sự (2013), Senad (2021) áp dụng SILL (do Oxford xây dựng năm 1990) tuyên bố rằng việc sử dụng các chiến lược học ngôn ngữ sẽ ảnh hưởng có giá trị đến trình độ ngôn ngữ.

2.3. Niềm tin vào bản thân

Theo Zhu và cộng sự (2020), niềm tin vào bản thân đề cập đến mức độ tự tin của một cá nhân về khả năng của mình để hành động trong một tình huống đã cho [4]. Nhiều nghiên cứu đã tiết lộ rằng có mối tương quan tích cực giữa niềm tin vào bản thân trong việc học tiếng Anh với hiệu suất môn tiếng Anh, ở cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; cụ thể: Raoofi và cộng sự (2012), Meera và Jumana (2015), Afifah và cộng sự (2019), Lestari và cộng sự (2020), Zhu và cộng sự (2020).

2.4. Thái độ với việc học tiếng Anh

Inal và cộng sự (2003) nói rằng “thái độ đề cập đến cảm xúc của chúng ta và hình thành các hành vi của chúng ta đối với việc học tập” [5]. Đối với việc học ngôn ngữ thứ hai, các nhà nghiên cứu chủ yếu chú ý đến hai loại thái độ: tích cực và tiêu cực. Các nghiên cứu của Ghazvini và Khajehpour (2011), Fitriia Aprilia (2016), Maita Andini (2018) cho thấy thái độ của người học là yếu tố quan trọng và ảnh hưởng mạnh mẽ đến hành vi học tập của người học và hiệu suất ngôn ngữ của họ.

2.5. Lo lắng về môn tiếng Anh

Theo Horwitz và cộng sự (1986), “lo lắng là cảm giác chủ quan của sự căng thẳng, sợ hãi, hồi hộp và lo lắng liên quan đến một sự kích thích của hệ thống thần kinh tự trị” [6]. Các nhà tâm lý học phân biệt ba loại lo lắng: lo lắng đặc điểm, lo lắng trạng thái và lo lắng theo tình huống cụ thể. Các nhà nghiên cứu ngôn ngữ tin

rằng việc học ngoại ngữ có liên quan đến lo lắng tình huống cụ thể hơn là lo lắng đặc điểm và lo lắng trạng thái (Gardner, 1985; Horwitz và cộng sự, 1986).

Trong số những lo lắng về tình huống cụ thể, lo lắng ngoại ngữ trong lớp học đã được nghiên cứu rộng rãi (Horwitz và Cope, 1986; MacIntyre và Gardner, 1991; Gardner, 1985; Young, 1991). Trong giới hạn của đề tài này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu về sự lo lắng trong lớp học tiếng Anh. Horwitz và cộng sự (1986) tin rằng lo lắng ngoại ngữ chịu trách nhiệm về phản ứng cảm xúc tiêu cực của học sinh đối với việc học ngôn ngữ vì học sinh phải đối mặt với một thứ ngôn ngữ và văn hóa hoàn toàn xa lạ. Họ đã xác định ba thành phần “xây dựng nên khái niệm mô tả sự lo lắng trong lớp học ngoại ngữ” đó là: e ngại giao tiếp, sợ bị đánh giá tiêu cực và lo lắng bài kiểm tra [6].

Nhiều nghiên cứu liên quan đến sự lo lắng về ngoại ngữ đã phát hiện ra lo lắng trong lớp học ngoại ngữ có ảnh hưởng tiêu cực đến thành tích học ngoại ngữ của người học; ví dụ, Liu và Huang (2011), Riffat-un-Nisa Awan (2010), Jingjing Cui (2011), Mostafa Amiri (2015).

Từ kết quả của những nghiên cứu trên cho thấy có mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố thuộc đặc điểm tình cảm - tâm lý của người học với kết quả học tập.

Ngoài ra, một số nghiên cứu đã phát hiện ra ảnh hưởng tích cực của việc đi học thêm đến kết quả học tập của người học. Chẳng hạn, nghiên cứu của Fera Fernanda (2019) cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa học sinh đã tham gia và không tham gia lớp học thêm tiếng Anh về thành tích kỹ năng đọc của các em [7].

3. Khung lý thuyết

3.1. Kết quả học tập

Trong giáo dục, các bài kiểm tra kết quả học tập thường được sử dụng để tìm hiểu xem hiệu quả hoạt động học tập của học sinh ở mức độ nào trong quá trình dạy và học. Kết quả học tập có thể được đo trực tiếp bằng các con số lượng gán hoặc cũng có thể được nhìn thấy trong cuộc sống thực hành hàng ngày. Có thể hiểu, kết quả học tập đề cập đến những khía

canh được đo lường sự thành thạo về kiến thức, kỹ năng, thái độ - tình cảm trong nội dung môn học (hoặc các sự kiện đã được học) của học sinh bằng các bài kiểm tra đáng tin cậy. Trong giới hạn của nghiên cứu này, kết quả học tập tiếng Anh của học sinh được đo lường bằng điểm thi môn tiếng Anh trong kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia năm 2021.

3.2. Mô hình nghiên cứu lý thuyết

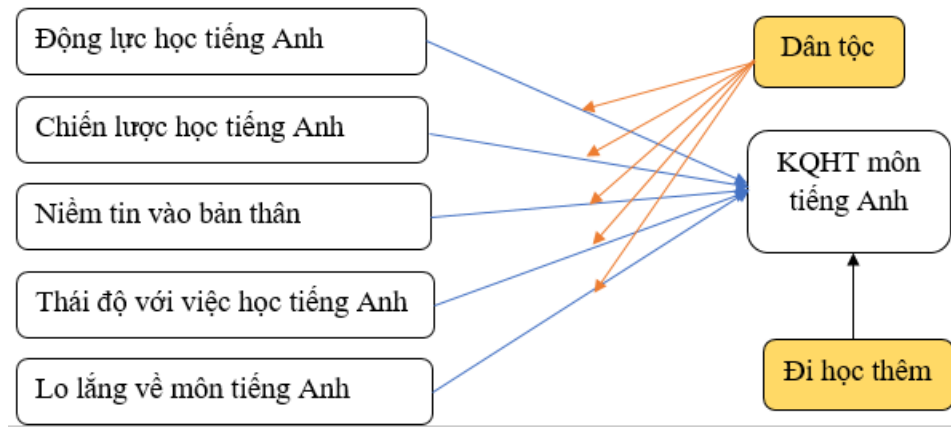
Dựa trên những phát hiện từ các nghiên cứu ở trong và ngoài nước trước đây, kết hợp với việc tham khảo hai mô hình nghiên cứu Walberg (1981) và Dickie (1999), tác giả ứng dụng vào xây dựng mô hình nghiên cứu đề xuất bao gồm những yếu tố liên quan đến người học có ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh. Từ đó, trong giới hạn của nghiên cứu này, tác giả lựa chọn một số yếu tố thuộc về đặc điểm tình cảm - tâm lý của người học để nghiên cứu ảnh hưởng của chúng đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai. Mô hình nghiên cứu đề xuất gồm 5 yếu tố như Hình 1.

Trong mô hình này, năm yếu tố trên được cho là có mối tương quan và có ảnh hưởng đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai. Bên cạnh đó, biên kiểm soát dân tộc được cho là có tác động đến những yếu tố này trong việc ảnh hưởng đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh.

Nếu học sinh tự đánh giá mức độ hài lòng của bản thân càng cao đối với các yếu tố: động lực học tiếng Anh, chiến lược học tiếng Anh, niềm tin vào bản thân, thái độ với việc học tiếng Anh thì càng có tác động tích cực đến kết quả học tiếng Anh của họ và ngược lại. Do đó, những yếu tố này được kỳ vọng sẽ tương quan thuận với biên phụ thuộc kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh. Riêng với yếu tố lo lắng về việc học tiếng Anh, nếu học sinh tự đánh giá mức độ lo lắng càng cao thì sẽ càng tác động tiêu cực đến kết quả học tiếng Anh của học sinh và ngược lại. Cho nên, yếu tố này được kỳ vọng sẽ tương quan nghịch với kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh. Cuối cùng, yếu tố đi học thêm được kỳ vọng sẽ có tác động tích cực đến kết quả học tiếng Anh của học

sinh, nghĩa là nếu học sinh có tham gia học thêm tiếng Anh ở bên ngoài nhà trường thì kết

quả học tiếng Anh sẽ cao hơn so với những học sinh không đi học thêm.



Hình 1. Mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tiếng Anh.

4. Phương pháp

4.1. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp hai phương pháp chọn mẫu xác suất và chọn mẫu phi xác suất. Đầu tiên, chúng tôi sử dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng để chọn mẫu nghiên cứu. Với các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh, chúng tôi sẽ chia các trường ra làm 2 nhóm: (1) những trường đóng trên địa bàn thuộc thành phố và (2) những trường đóng trên địa bàn nông thôn. Sau đó bằng phương pháp lấy mẫu thuận tiện (do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trong thời gian thu thập dữ liệu) chúng tôi sẽ chọn ra ba trường đại diện cho mỗi nhóm và từ mỗi trường chúng tôi tiếp tục sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện để chọn ra những học sinh ở lớp 12 đại diện cho trường tham gia khảo sát.

4.2. Công cụ

Hai công cụ được sử dụng trong nghiên cứu này là một bảng hỏi và kết quả học tập tiếng Anh của học sinh. Bảng hỏi khảo sát được thiết kế gồm 2 phần: phần một là mục đích khảo sát, phần 2 gồm các câu hỏi thuộc về nhân khẩu học và một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai với tổng cộng là 60 câu hỏi. Trừ các câu hỏi

thuộc về nhân khẩu học, những câu hỏi còn lại (52 câu) sử dụng thang đo Likert 5 điểm, từ (1) đến (5) tương đương với “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”.

Có năm yếu tố được khảo sát để phân tích ảnh hưởng của chúng đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12, bao gồm: động lực học tiếng Anh, thái độ với việc học tiếng Anh, chiến lược học tiếng Anh, niềm tin vào bản thân, sự lo lắng về môn tiếng Anh. Thang đo của các yếu tố này đã được áp dụng ở các nước trên thế giới. Trong nghiên cứu này, các thang đo được điều chỉnh và rút gọn cho phù hợp với đặc điểm của học sinh trung học phổ thông ở Việt Nam. Các biến độc lập sử dụng thang đo Likert 5 điểm, từ (1) đến (5) tương đương với “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”; mỗi thang đo có từ 6 đến 12 biến quan sát (tùy theo). Biến phụ thuộc là kết quả thi trung học phổ thông Quốc gia môn tiếng Anh năm 2021 của học sinh. Các thang đo được đánh giá bằng phương pháp nhất quán nội tại qua hệ số Cronbach’s Alpha trước khi phân tích nhân tố EFA để loại các biến không phù hợp vì các biến rác này có thể tạo ra các yếu tố giả.

4.3. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu được thu thập bằng hai hình thức: phát phiếu trực tiếp và online. Thời điểm thu

thập dữ liệu bắt đầu từ cuối tháng 5 đến hết tháng 7 năm 2021. Để học sinh có thể hiểu giống nhau về cách thức thực hiện phiếu khảo sát, chúng tôi đưa ra lời giải thích ngắn gọn về mục đích của nghiên cứu và hướng dẫn cụ thể. Học sinh được thông báo nếu tham gia vào cuộc khảo sát này có nghĩa là họ đồng ý cho chúng tôi sử dụng kết quả thi môn tiếng Anh trong kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia năm 2021 của họ. Học sinh cũng được thông báo về việc thông tin họ cung cấp trong phiếu khảo sát hoàn toàn được giữ bí mật, chỉ phục vụ duy nhất cho mục đích nghiên cứu. Cuối cùng, chúng tôi nhấn mạnh sự tham gia của học sinh hoàn toàn là việc tự nguyện cũng như yêu cầu về sự trung thực trong việc tự đánh giá từng mục của mỗi yếu tố. Với 200 phiếu khảo sát phát ra cùng với 260 phiếu khảo sát online bằng biểu mẫu Google forms chúng tôi thu về được 406 phiếu hợp lệ.

4.4. Phân tích dữ liệu

Kết quả của những phiếu khảo sát hợp lệ được phân tích bằng phần mềm SPSS 25. Quá trình phân tích sẽ bao gồm thống kê mô tả và thống kê suy luận. Phân phân tích mô tả được thực hiện để có cái nhìn bao quát về mẫu nghiên cứu. Sau đó, phân tích tương quan và hồi quy được sử dụng để tìm hiểu ảnh hưởng của các yếu tố đến kết quả học tập môn tiếng Anh. Cuối cùng, kiểm định t dùng để xem liệu các biến kiểm soát có tác động đến các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả học tập của học sinh và xem liệu có sự khác biệt về kết quả học tập giữa những học sinh có đi học thêm với những học sinh không đi học thêm hay không.

5. Kết quả và bình luận

5.1. Giới thiệu mẫu nghiên cứu

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy, trong số 406 học sinh lớp 12 tham gia khảo sát, về giới tính: có 297 học sinh nữ, chiếm 73,2%; về dân tộc, có 117 học sinh là người dân tộc thiểu số, chiếm 28,8%; có 146 học sinh nói rằng mình có đi học thêm tiếng Anh ở ngoài, chiếm 36%. Những học sinh này đều có tuổi từ 18 đến 21 và có ít nhất 7 năm kinh nghiệm học tiếng Anh.

Bảng 1. Mô tả mẫu nghiên cứu

	Số lượng	Tỷ lệ phần trăm (%)
Giới tính		
Nữ	297	73,2
Nam	109	26,8
Dân tộc		
Kinh	289	71,2
Dân tộc thiểu số	117	28,8
Nơi cư trú		
Thành phố	162	39,9
Nông thôn	244	60,1
Đi học thêm hay không		
Có	146	36
Không	260	64
Tổng cộng	406	100

5.2. Đánh giá độ tin cậy thang đo

Kết quả đánh giá độ tin cậy thang đo cho thấy, hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của các thang đo nằm trong khoảng [0,828; 0,931], hệ số tương quan biến - tổng đều lớn hơn 0,3 chứng tỏ đây là những thang đo đáng tin cậy, các biến quan sát trong mỗi thang đo đều đo lường cùng một cấu trúc.

5.3. Đánh giá độ giá trị thang đo

Sau khi đánh giá độ tin cậy, các thang đo sẽ được phân tích nhân tố khám phá EFA để rút trích các nhân tố có ý nghĩa hơn. Cơ sở của việc rút gọn này dựa vào mối quan hệ tuyến tính của các nhân tố với các biến quan sát. Để biến được giữ lại trong EFA, ngoài điều kiện hệ số tải lớn hơn 0,5 thì dữ liệu cần đạt được giá trị hội tụ và giá trị phân biệt.

Kết quả hệ số KMO và kiểm định Bartlett's trong phân tích nhân tố khám phá EFA như Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả hệ số KMO và kiểm định Bartlett

Hệ số KMO		0,917
Kiểm định Bartlett	Chi-bình phương	9124,074
	df	741
	Sig	0,000

Có thể thấy, giá trị của chỉ số KMO=0,917 (lớn hơn 0,5 và nhỏ hơn 1,0) và kiểm định Bartlett's có ý nghĩa thống kê (giá trị Sig

=0,000<0,05). Do đó, các biến quan sát còn lại hội tụ về các nhân tố hoàn toàn phù hợp và có sự tương quan với nhau trong tổng thể. Bảng tổng phương sai trích chỉ ra giá trị tổng phương sai là 62,91%, lớn hơn 50%; cho thấy rằng 62,91% sự thay đổi của các nhân tố này được giải thích bởi các biến quan sát. Từ các phân tích trên cho thấy phân tích nhân tố EFA phù hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Kết quả phân tích EFA lần cuối cho các biến độc lập chỉ ra có 6 nhân tố được rút trích đảm bảo được giá trị hội tụ và giá trị phân biệt. Trong đó, khái niệm Chiến lược học ngoại ngữ là một khái niệm đa hướng, khi EFA các biến quan sát rút trích thành 2 nhân tố (PP học từ vựng TA và PP luyện nói TA). Các nhân tố rút trích được đặt tên như Bảng 3:

Bảng 3. Kết quả phân tích EFA lần cuối

	Các nhân tố						Tên nhân tố
	1	2	3	4	5	6	
LL_B3	0,819						Lo lắng về tiếng Anh
LL_C3	0,804						
LL_B4	0,803						
LL_B2	0,790						
LL_B1	0,780						
LL_C4	0,754						
LL_C2	0,745						
LL_A3	0,699						
LL_C1	0,692						
LL_A2	0,602						
CL_B2		0,732					Phương pháp học từ vựng tiếng Anh
CL_B1		0,701					
CL_A1		0,690					
CL_D1		0,652					
CL_C3		0,646					
CL_C1		0,642					
CL_A2		0,621					
CL_B3		0,588					
CL_A3		0,575					
CL_F1		0,552					
DL_TIC1			0,842				Động lực học tiếng Anh
DL_CC1			0,827				
DL_TIC2			0,806				
DL_TIC3			0,805				
DL_CC2			0,554				
NT2				0,811			Niềm tin vào bản thân
NT6				0,787			
NT4				0,767			
NT5				0,747			
NT3				0,740			
NT1				0,681			

TD_TIC3					0,816		Thái độ (tích cực) với việc học tiếng Anh
DL_TIC4					0,696		
TD_TIC2					0,670		
TD_TIC1					0,620		
TD_TIC4					0,609		
CL_F3						0,734	Phương pháp luyện nói tiếng Anh
CL_F2						0,619	
CL_E2						0,574	

Kết quả phân tích tương quan cho thấy có sự tương quan có ý nghĩa thống kê giữa các nhân tố Lo lắng về môn tiếng Anh, Phương pháp học từ vựng tiếng Anh, Thái độ học tiếng Anh và Niềm tin vào bản thân với kết quả học tập, tuy nhiên các mối tương quan chỉ ở mức trung bình; trong đó Niềm tin vào bản thân có mối tương quan thuận mạnh nhất ($r=0,359$) và Lo lắng về môn tiếng Anh có mối tương quan nghịch ($r=-0,280$); những nhân tố còn lại có mối tương quan rất yếu, là các nhân tố Động lực học tiếng Anh ($r=0,138$) và Phương pháp luyện nói tiếng Anh ($r=0,125$). Giữa các biến

độc lập, đa số các mối tương quan thuận chiều ở mức trung bình và khá. Trong đó, cao nhất là mối tương quan giữa cặp nhân tố Phương pháp học từ vựng tiếng Anh với Phương pháp luyện nói tiếng Anh ($r=0,659$); thấp nhất là mối tương quan giữa cặp nhân tố Thái độ với việc học tiếng Anh với Niềm tin vào bản thân ($r=0,274$). Ngoài ra, không có mối tương quan giữa các cặp nhân tố Động lực học tiếng Anh với Niềm tin vào bản thân ($r=-0,010$) hay Lo lắng về môn tiếng Anh với Thái độ với việc học tiếng Anh ($r=0,075$) và Phương pháp luyện nói tiếng Anh ($r=0,077$).

5.4. Phân tích tương quan

Bảng 4. Mô tả mối tương quan giữa các nhân tố

	1	2	3	4	5	6	7
1. Kết quả học tập	1	-0,280**	0,243**	0,138**	0,314**	0,125*	0,359**
2. Lo lắng về môn tiếng Anh	-	1	0,138**	0,304**	0,075	0,077	-0,254**
3. PP học từ vựng tiếng Anh	-	-	1	0,495**	0,587**	0,659**	0,352**
4. Động lực học tiếng Anh	-	-	-	1	0,547**	0,338**	-0,010
5. Thái độ học tiếng Anh	-	-	-	-	1	0,493**	0,274**
6. PP luyện nói tiếng Anh	-	-	-	-	-	1	0,303**
7. Niềm tin vào bản thân	-	-	-	-	-	-	1

5.5. Phân tích hồi quy

Phân tích hồi quy đa biến được sử dụng để dự đoán ảnh hưởng của các nhân tố trong mô hình nghiên cứu lên kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai bằng cách sử dụng phương pháp chọn từng bước (stepwise selection) là sự kết hợp của phương

pháp đưa dần vào và phương pháp loại trừ dần. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính chỉ ra 3 mô hình, trong đó mô hình số 3 có độ phù hợp lớn nhất, thể hiện ở Bảng 5.

Mô hình này nhằm mục đích giải thích ảnh hưởng của các yếu tố dự đoán lên kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai.

Bảng 5. Ảnh hưởng của các yếu tố dự đoán lên kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		t	F	Sig.
	B	Std. Error			
Constant	5,136	0,465	11,042	40,845	0,000
Niềm tin vào bản thân	0,527	0,112	4,695		
Thái độ với việc học tiếng Anh	0,563	0,095	5,910		
Lo lắng về môn tiếng Anh	-0,483	0,090	-5,342		
Biến phụ thuộc: kết quả học tập $R^2 = 0,234$					

Từ mô hình cho thấy, chỉ có các nhân tố (là biến độc lập): niềm tin vào bản thân, thái độ với việc học tiếng Anh và lo lắng về môn tiếng Anh là có ảnh hưởng đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh. Giá trị Tolerances và VIF (< 2) cho thấy không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến của các biến. Giá trị $R^2 = 0,234$ chỉ ra rằng mô hình này giải thích được 23,4% sự biến thiên của biến phụ thuộc kết quả học tập bởi mối liên hệ tuyến tính giữa các biến độc lập trên. Tuy nhiên mức độ phù hợp của mô hình tương đối thấp. Giá trị Sig = 0,000 $< 0,05$ (của trị số F) cho thấy mô hình này phù hợp với tập dữ liệu và có thể suy rộng ra cho toàn tổng thể. Phương trình hồi quy tuyến tính đa biến được thể hiện như sau:

Kết quả học tập = 5,136 + 0,563*Thái độ với việc học tiếng Anh + 0,527*Niềm tin vào bản thân - 0,483*Lo lắng về môn tiếng Anh.

Từ phương trình này cho thấy, trong số các nhân tố dự đoán được chỉ ra nhân tố Thái độ với việc học tiếng Anh có ảnh hưởng lớn nhất, kế đến là nhân tố Niềm tin vào bản thân và cả hai nhân tố này đều góp phần làm tăng kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh; nhân tố Lo lắng về môn tiếng Anh có tác động tỷ lệ nghịch và làm giảm kết quả học tập môn tiếng Anh. Kết quả này khá phù hợp với kết quả phân tích tương quan giữa các nhân tố cũng như kỳ vọng đưa ra trong mô hình nghiên cứu đề xuất.

6. Kiểm định t mẫu độc lập

6.1. Kiểm định sự khác biệt về ảnh hưởng của biến kiểm soát dân tộc lên các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh

Kết quả cho thấy, kiểm định Levene về cân bằng phương sai giữa hai tổng thể chỉ ra phương sai của hai nhóm học sinh là người Kinh và học sinh là người dân tộc thiểu số ở các yếu tố: lo lắng về môn tiếng Anh (Sig = 0,550), thái độ với việc học tiếng Anh (Sig = 0,426), phương pháp luyện nói (Sig = 0,726) là không khác nhau; còn phương sai của hai nhóm học sinh là người Kinh và học sinh là người dân tộc thiểu số ở các yếu tố: phương pháp học từ vựng (Sig = 0,002), động lực học tiếng Anh (Sig = 0,000), niềm tin vào bản thân (Sig = 0,016) là khác nhau (Bảng 6).

Với khoảng tin cậy 95%, các kết quả kiểm định T-test cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm học sinh là người Kinh và học sinh là người dân tộc thiểu số đối với yếu tố lo lắng về môn tiếng Anh (Sig = 0,226 $> 0,05$), nói cách khác, yếu tố dân tộc không ảnh hưởng đến sự lo lắng về môn tiếng Anh của học sinh; những yếu tố còn lại (Sig $< 0,05$) cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm học sinh là người Kinh và học sinh là người dân tộc thiểu số, trong đó học sinh là người dân tộc thiểu số được cho là thể hiện

tốt hơn so với học sinh là người Kinh ở hầu hết các yếu tố, hay nói cách khác học sinh là người dân tộc thiểu số có động lực và thái độ học môn tiếng Anh cao hơn, chiến lược học (từ vựng, học nói) tiếng Anh tốt hơn so với học sinh là

người Kinh; tuy nhiên niềm tin vào bản thân của học sinh người dân tộc thiểu số thấp hơn so với học sinh người Kinh mặc dù mức chênh lệch chỉ ra là không đáng kể.

Bảng 6. Kiểm định t với biến kiểm soát Dân tộc

Yếu tố	Dân tộc	Mean	Std. Dev	t	df	Sig.
Lo lắng về môn tiếng Anh	Kinh	3,29	1,08	-1,21	404	0,226
	Khác	3,43	0,98			
Phương pháp học từ vựng	Kinh	3,15	0,98	-3,26	257,59	0,001
	Khác	3,46	0,81			
Động lực học tiếng Anh	Kinh	3,96	1,09	-4,76	316,26	0,000
	Khác	4,41	0,73			
Thái độ với việc học tiếng Anh	Kinh	3,22	0,99	-2,22	404	0,026
	Khác	3,47	1,01			
Phương pháp luyện nói	Kinh	2,76	1,17	-2,64	404	0,008
	Khác	3,10	1,17			
Niềm tin vào bản thân	Kinh	2,12	0,90	3,47	248,84	0,001
	Khác	1,81	0,77			

6.2. Kiểm định sự khác biệt về kết quả học tập giữa các nhóm học sinh có đi học thêm và không đi học thêm môn tiếng Anh

Sử dụng phép kiểm định Independent samples T-test để kiểm định xem liệu yếu tố đi học thêm có ảnh hưởng đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai hay không. Kết quả được trình bày ở Bảng 7.

Bảng trên cho thấy, kết quả học tập của nhóm học sinh có đi học thêm tiếng Anh (TB=6,92) cao hơn so với nhóm học sinh không đi học thêm tiếng Anh (TB=5,95). Kiểm định Levene được thực hiện để kiểm định sự cân

bằng phương sai giữa hai tổng thể. Kiểm định chỉ ra rằng phương sai của hai nhóm học sinh này là không khác nhau (Sig = 0,373 > 0,05). Từ đó, với khoảng tin cậy 95%, kết quả kiểm định T-test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về trung bình kết quả học tập môn tiếng Anh giữa nhóm học sinh có đi học thêm với nhóm học sinh không đi học thêm (Sig = 0,000 < 0,05), mức chênh lệch khoảng gần một điểm; theo đó, nhóm học sinh có đi học thêm tiếng Anh có thành tích môn tiếng Anh tốt hơn so với nhóm học sinh không đi học thêm tiếng Anh.

Bảng 7. Kiểm định t với biến kiểm soát Đi học thêm

Đi học thêm	N	Mean	Std. Dev	t	df	Sig.
Có	146	6,92	1,14	7,84	404	0,000
Không	260	5,95	1,23			

Như vậy có thể kết luận rằng, yếu tố đi học thêm tiếng Anh có ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai. Để tìm hiểu xem có sự khác biệt nào về kết quả học tập giữa các nhóm học sinh có thời gian đi học thêm tiếng Anh trong tuần khác nhau hay không, tác giả tiếp tục thực hiện phân tích One way ANOVA. Để thực hiện so

sánh trị trung bình kết quả học tập của các nhóm có thời gian đi học thêm trong tuần khác nhau, dựa vào bảng tần số về thời gian đi học thêm của học sinh, tác giả chia thời gian đi học thêm trong tuần của học sinh thành 4 nhóm: (1) từ 1 giờ đến 3 giờ, (2) từ 3,5 giờ đến 5 giờ, (3) từ 6 giờ đến 8 giờ, (4) trên 8 giờ. Kết quả phân tích được thể hiện trong các Bảng 8.

Kết quả ở Bảng 8 chỉ ra rằng, học sinh ở nhóm 1 có trung bình kết quả học tập môn tiếng Anh (TB = 6,38) thấp hơn so với 3 nhóm còn

lại và thấp hơn so với trung bình kết quả học tập của các nhóm (TB = 6,91).

Bảng 8. Các thống kê mô tả

NHÓM	N	Mean	Std. Dev
Nhóm 1: từ 1 giờ đến 3 giờ	56	6,38	1,16
Nhóm 2: từ 3,5 giờ đến 5 giờ	40	7,14	0,94
Nhóm 3: từ 6 giờ đến 8 giờ	32	7,26	0,92
Nhóm 4: trên 8 giờ	15	7,47	1,16
Tổng	143	6,91	1,12

Kết quả kiểm định Sig trong bảng kiểm định phương sai đồng nhất Test of Homogeneity of Variances có giá trị là 0,437 (lớn hơn 0,05) do đó kết luận rằng phương sai

của các nhóm đồng nhất (không có sự khác biệt), đủ điều kiện để phân tích ANOVA.

Giả thuyết H_0 : không có sự khác biệt về kết quả học tập tiếng Anh giữa các nhóm học sinh có dành thời gian đi học thêm tiếng Anh khác nhau.

Bảng 9. Kết quả kiểm định ANOVA về trung bình kết quả học tập của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai có đi học thêm tiếng Anh

ANOVA					
	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Giữa các nhóm	26,39	3	8,79	7,89	0,000
Trong cùng 1 nhóm	154,90	139	1,11		
Tổng	181,30	142			

Phân tích phương sai ANOVA được thực hiện để so sánh trị trung kết quả học tập môn tiếng Anh giữa các nhóm học sinh có dành thời gian đi học thêm tiếng Anh khác nhau. Bảng 9 cho thấy giá trị Sig. là $0,000 < 0,05$; do đó bác bỏ giả thuyết H_0 . Như vậy, có sự khác biệt có ý

nghĩa thống kê về trung bình kết quả học tập của các nhóm học sinh có thời gian đi học thêm tiếng Anh khác nhau. Để tìm xem sự khác biệt giữa các nhóm xảy ra ở đâu, tác giả tiếp tục phân tích sâu ANOVA bằng phương pháp kiểm định Turkey, kết quả được thể hiện ở Bảng 10.

Bảng 10. So sánh sự khác biệt về trung bình kết quả học tập môn tiếng Anh giữa các nhóm học sinh

(I) Thời gian học thêm	(J) Thời gian học thêm	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.
Từ 1 giờ đến 3 giờ	Từ 3,5 giờ đến 5 giờ	-0,75*	0,21	0,004
	Từ 6 giờ đến 8 giờ	-0,87*	0,23	0,001
	Trên 8 giờ	-1,08*	0,30	0,003
Từ 3,5 giờ đến 5 giờ	Từ 1 giờ đến 3 giờ	0,75*	0,21	0,004
	Từ 6 giờ đến 8 giờ	-0,12	0,25	0,962
	Trên 8 giờ	-0,33	0,31	0,729
Từ 6 giờ đến 8 giờ	Từ 1 giờ đến 3 giờ	0,87*	0,23	0,001
	Từ 3,5 giờ đến 5 giờ	0,12	0,25	0,962
	Trên 8 giờ	-0,20	0,33	0,921
Trên 8 giờ	Từ 1 giờ đến 3 giờ	1,08*	0,30	0,003
	Từ 3,5 giờ đến 5 giờ	0,33	0,31	0,729
	Từ 6 giờ đến 8 giờ	0,20	0,33	0,921

*. Sự khác biệt được chỉ ra ở mức ý nghĩa 0,05.

Kết quả kiểm định Tukey cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa về giá trị trung bình kết quả học tập môn tiếng Anh giữa các nhóm học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai có thời gian đi học thêm khác nhau (giá trị Sig < 0,05). Cụ thể, sự khác biệt được chỉ ra giữa nhóm 1 so với các nhóm còn lại. Điều này được thể hiện rõ ở hiệu số trung bình, chứng tỏ trung bình kết quả học tập của nhóm 1 thấp hơn so với 3 nhóm còn lại. Hay nói cách khác, nhóm 1 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê so với 3 nhóm còn lại về trung bình kết quả học tập môn tiếng Anh. Thời gian đi học thêm trung bình trong tuần của các nhóm càng cao thì kết quả học tập tiếng Anh của các nhóm đạt được càng cao.

7. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả thấy rằng mô hình nghiên cứu đề xuất ban đầu gồm 5 nhân tố, tuy nhiên sau khi phân tích nhân tố khám phá EFA thì có 6 nhân tố được rút trích. Phân tích hồi quy đa biến chỉ ra kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai bị ảnh hưởng bởi các yếu tố: niềm tin vào bản thân, Thái độ với việc học tiếng Anh và Lo lắng về môn tiếng Anh là có ảnh hưởng đến kết quả học tập môn tiếng Anh. Trong đó, yếu tố Thái độ tích cực với việc học tiếng Anh là có ảnh hưởng lớn nhất, tiếp đến là yếu tố Niềm tin vào bản thân. Cả hai yếu tố này đều có mối tương quan thuận với kết quả học tập môn tiếng Anh. Yếu tố Lo lắng về môn tiếng Anh cũng ảnh hưởng đến kết quả học tập môn tiếng Anh và có mối tương quan nghịch với kết quả học tập. Động lực học tiếng Anh, Chiến lược học tiếng Anh (phương pháp học từ vựng, phương pháp luyện nói) gần như không có ảnh hưởng đến kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai. Do đó, các thầy cô cần có các biện pháp sư phạm hay thiết kế hoạt động trải nghiệm thực tiễn hay tăng giờ thực hành tiếng Anh để tăng sự tự tin trong giao tiếp, sử dụng tiếng Anh cho học sinh.

Bên cạnh đó, nghiên cứu còn cho thấy yếu tố dân tộc không ảnh hưởng đến sự lo lắng về môn tiếng Anh của học sinh. Mặt khác, dù niềm tin vào bản thân của học sinh người dân tộc thiểu số được cho là thấp hơn so với học sinh người Kinh (mặc dù mức chênh lệch chỉ ra là không đáng kể) nhưng học sinh là người dân tộc thiểu số có động lực học tiếng Anh cao hơn và thái độ học môn tiếng Anh tích cực hơn cũng như chiến lược học (từ vựng, học nói) tiếng Anh tốt hơn so với học sinh là người Kinh.

Ngoài ra nghiên cứu cũng chỉ ra việc đi học thêm có ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập của học sinh lớp 12 ở tỉnh Gia Lai, điều này thể hiện rõ ở thành tích học tập của nhóm học sinh có đi học thêm tiếng Anh cao hơn hẳn so với nhóm học sinh không đi học thêm, mức chênh lệch xấp xỉ một điểm. Kết quả kiểm định sự khác biệt về kết quả học tập giữa các nhóm có đi học thêm tiếng Anh cho thấy nhóm học sinh có thời gian đi học thêm trong tuần từ 3 giờ trở xuống có trung bình kết quả học tập thấp hơn so với những nhóm học sinh có thời gian đi học thêm trong tuần trên 3 giờ.

Tài liệu tham khảo

- [1] W. A. Renandya, Essential Factors Affecting EFL Learning Outcomes, English Teaching, 2013.
- [2] Gopalan et al., A Review of the Motivation Theories in Learning, AIP Conference Proceedings 1891, 2017.
- [3] N. H. Binh, Reliability Assessment of Vietnamese Version of Oxford's Strategy Inventory for Language Learning on Vietnamese Learners of French, Foreign Language University, Da Nang University, 2010.
- [4] Zhu et al., The Relationship Between English Self-efficacy and English Language Performance among Chinese University Students, European Journal of Molecular & Clinical Medicine, 2020.
- [5] A. A. Alkaff, Students' Attitudes and Perceptions towards Learning English, Arap World English Journal, 2013.
- [6] Horwitz et al., Foreign Language Classroom Anxiety, The Modern Language Journal, 1986.
- [7] Fera Fernanda, The Effect of English Extra Class on Student's Reading Achievement, Thesis, 2019.